

# **Những vấn đề pháp lý cần giải quyết trong thực tiễn tố tụng đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản thông qua giao dịch đồng tiền số**

08:12 02/03/2026

**(Pháp lý). Sự phát triển mạnh mẽ của đồng tiền số (cryptocurrency) trong thập kỷ qua đã mở ra nhiều cơ hội kinh tế, nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức cho hệ thống pháp luật hình sự, đặc biệt tại Việt Nam – nơi khung pháp lý điều chỉnh tiền số vẫn còn khoảng trống.**

Trong số các hành vi phạm tội liên quan đến tiền số, lừa đảo chiếm đoạt tài sản (quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi 2017) nổi lên như một vấn đề nghiêm trọng, tận dụng tính ẩn danh và phi tập trung của công nghệ blockchain để che giấu hành vi phạm pháp. Bài viết sau sẽ phân tích các yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong bối cảnh giao dịch đồng tiền số, thông qua một vụ án giả định, nhằm làm rõ cơ sở định tội danh và những vấn đề pháp lý cần giải quyết trong thực tiễn tố tụng.

## **1. Cơ sở pháp lý và yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản**

Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015 được xác định dựa trên hành vi khách quan là sử dụng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác. Thủ đoạn gian dối có thể bao gồm việc đưa ra thông tin sai lệch, giả mạo danh tính, hoặc tạo dựng các tình huống không có thật nhằm đánh lừa niềm tin của nạn nhân, khiến họ tự nguyện giao tài sản. Tài sản bị chiếm đoạt phải có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên để truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 1, hoặc dưới mức này nhưng thuộc các trường hợp đặc biệt như gây hậu quả nghiêm trọng. Hậu quả của hành vi là sự chuyển dịch tài sản từ nạn nhân sang người phạm tội hoặc bên thứ ba do người phạm tội chỉ định.

Về mặt chủ quan, tội này yêu cầu lỗi cố ý trực tiếp: người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, biết thông tin mình đưa ra là gian dối, và mong muốn chiếm đoạt tài sản thông qua việc đánh lừa nạn nhân. Khung hình phạt cơ bản của tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản dao động từ 06 tháng đến 03 năm tù, nhưng có thể lên đến 20 năm hoặc chung thân nếu gây thiệt hại đặc biệt lớn hoặc thuộc các tình tiết tăng nặng như phạm tội có tổ chức, tái phạm nguy hiểm.

Trong bối cảnh đồng tiền số, hành vi lừa đảo thường tận dụng các đặc tính của tiền số như tính ẩn danh, không cần trung gian ngân hàng, và khả năng giao dịch xuyên biên giới để thực hiện các thủ đoạn gian dối. Tuy nhiên, tại Việt Nam, tiền số chưa được công nhận là phương tiện thanh toán hợp pháp theo Nghị định 80/2016/NĐ-CP và Thông tư 39/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước. Điều này đặt ra câu hỏi liệu tiền số có được xem là “tài sản” theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và Bộ luật Hình sự 2015 để truy cứu trách nhiệm hình sự hay không. Khoản 1 Điều 105 Bộ luật Dân sự 2015 định nghĩa tài sản bao gồm “vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản”, và tiền số, với giá trị kinh tế thực tế, có thể được coi là “quyền tài sản” trong một số trường hợp. Do đó, việc chiếm đoạt tiền số thông qua lừa đảo có thể cấu thành tội theo Điều 174 BLHS, nhưng cần phân tích kỹ lưỡng từng yếu tố cấu thành để tránh nhầm lẫn với các vi phạm dân sự hoặc hành chính.

## **2. Phân tích từ một vụ án liên quan đến lừa đảo chiếm đoạt tài sản qua tiền số**

### *2.1. Diễn biến vụ án*

Vào ngày 1/5/2023, anh T (sinh năm 1988), một nhân viên văn phòng tại thành phố Z, tham gia một nhóm đầu tư trực tuyến quảng bá dự án “CryptoFuture” trên mạng xã hội. Nhóm này do ông K (sinh năm 1970) điều hành, tự xưng là chuyên gia tài chính với kinh nghiệm 10 năm trong lĩnh vực tiền số. Ông K cam kết rằng nếu anh T đầu tư Bitcoin (BTC) vào dự án, anh sẽ nhận được lợi nhuận 20% mỗi tháng

nờ thuật toán giao dịch tự động “độc quyền”. Tin tưởng vào lời quảng cáo và các tài liệu giả mạo về thành tích đầu tư của ông K, anh T chuyển 2 BTC (tương đương 1,5 tỷ đồng theo tỷ giá thời điểm) từ ví điện tử cá nhân sang ví do ông K cung cấp vào ngày 10/5/2023.

Sau khi nhận tiền, ông K liên tục gửi báo cáo lợi nhuận giả cho anh T, cho thấy số dư tăng lên 2,4 BTC chỉ sau hai tuần. Tuy nhiên, đến ngày 1/6/2023, khi anh T yêu cầu rút 0,5 BTC lợi nhuận, ông K viện lý do hệ thống bị lỗi kỹ thuật và trì hoãn. Đến ngày 15/6/2023, toàn bộ liên lạc với ông K bị cắt đứt, nhóm đầu tư bị xóa, và ví điện tử nhận tiền của ông K đã được chuyển hết sang một ví khác không thể truy vết. Qua điều tra, cơ quan công an xác định ông K không sở hữu bất kỳ thuật toán giao dịch nào, các tài liệu quảng cáo là giả mạo, và số tiền 2 BTC đã được ông K chuyển đổi thành tiền mặt thông qua một sàn giao dịch nước ngoài để sử dụng cá nhân. Vụ việc được khởi tố để xác định trách nhiệm hình sự của ông K.

## *2.2. Quan điểm về định tội danh*

Quan điểm thứ nhất cho rằng hành vi của ông K cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174 Bộ luật Hình sự 2015. Về mặt khách quan, ông K đã sử dụng thủ đoạn gian dối bằng cách đưa ra thông tin sai lệch về dự án “CryptoFuture”, giả mạo tài liệu đầu tư, và cam kết lợi nhuận không có cơ sở thực tế, nhằm đánh lừa niềm tin của anh T. Hành vi này dẫn đến việc anh T tự nguyện chuyển giao 2 BTC, tương đương 1,5 tỷ đồng, vượt xa ngưỡng tối thiểu để truy cứu trách nhiệm hình sự. Hậu quả là anh T mất quyền kiểm soát tài sản, trong khi ông K chiếm đoạt số tiền số này để sử dụng cá nhân. Về mặt chủ quan, ông K nhận thức rõ dự án là giả mạo, biết hành vi của mình là trái pháp luật, và có ý định chiếm đoạt tài sản từ khi xây dựng kế hoạch lừa đảo. Do đó, hành vi của ông K đáp ứng đầy đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 174, với khung hình phạt từ 12 đến 20 năm tù do giá trị tài sản chiếm đoạt đặc biệt lớn.

Quan điểm thứ hai cho rằng hành vi của ông K không đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, mà chỉ là vi phạm hợp đồng dân sự hoặc hành vi kinh doanh trái phép. Lập luận này dựa trên việc tiền số chưa được pháp luật Việt Nam công nhận là tài sản hợp pháp, do đó việc anh T chuyển BTC cho ông K có thể được xem là giao dịch dân sự tự nguyện, không thuộc phạm vi bảo vệ của pháp luật hình sự. Hơn nữa, ông K có thể biện minh rằng anh T chấp nhận rủi ro đầu tư, và việc không trả lợi nhuận chỉ là thất bại kinh doanh, không phải hành vi lừa đảo. Theo quan điểm này, vụ việc nên được giải quyết bằng con đường dân sự, yêu cầu ông K bồi thường thiệt hại, thay vì truy cứu trách nhiệm hình sự.

### **3. Nhận xét và đánh giá**

Phân tích các yếu tố cấu thành trong vụ án trên cho thấy hành vi của ông K cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Điều 174. Trước hết, về hành vi khách quan, ông K đã sử dụng thủ đoạn gian dối một cách rõ ràng thông qua việc quảng bá dự án giả mạo, cung cấp báo cáo lợi nhuận không có thật, và cắt đứt liên lạc sau khi nhận tiền. Những hành vi này không phải là rủi ro kinh doanh thông thường, mà là kế hoạch có chủ đích nhằm đánh lừa anh T để chiếm đoạt 2 BTC. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt, quy đổi thành 1,5 tỷ đồng, hoàn toàn đáp ứng ngưỡng truy cứu trách nhiệm hình sự, và tiền số, dù chưa được công nhận là phương tiện thanh toán, vẫn được xem là “quyền tài sản” theo Điều 105 Bộ luật Dân sự 2015, thuộc đối tượng bảo vệ của pháp luật hình sự.

Về mặt chủ quan, lỗi cố ý trực tiếp của ông K được thể hiện qua việc ông xây dựng kế hoạch lừa đảo từ trước, sử dụng thông tin sai lệch để tạo niềm tin, và nhanh chóng chuyển đổi BTC thành tiền mặt sau khi chiếm đoạt. Lập luận rằng đây chỉ là vi phạm dân sự không thuyết phục, bởi giao dịch giữa anh T và ông K không dựa trên hợp đồng hợp pháp, mà hoàn toàn xuất phát từ sự lừa dối của ông K. Việc anh T chấp nhận rủi ro đầu tư không đồng nghĩa với việc chấp nhận bị lừa đảo, và hành

vi của ông K vượt xa phạm vi tranh chấp dân sự để trở thành hành vi phạm tội hình sự.

Việc định tội danh trong vụ án này có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh đồng tiền số ngày càng phổ biến tại Việt Nam. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 4 Điều 174 mang khung hình phạt từ 12 đến 20 năm tù, phản ánh mức độ nguy hiểm của hành vi đối với trật tự kinh tế và quyền lợi của cá nhân. Nếu coi hành vi của ông K chỉ là vi phạm dân sự, sẽ tạo kẽ hở pháp lý, khuyến khích các hành vi tương tự dưới vỏ bọc “đầu tư tiền số”. Ngược lại, truy cứu trách nhiệm hình sự không chỉ bảo vệ nạn nhân, mà còn gửi thông điệp mạnh mẽ về việc xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng công nghệ số để phạm tội.

Tuy nhiên, thực tiễn tố tụng đối với các vụ án liên quan đến tiền số tại Việt Nam còn đối mặt với nhiều thách thức. Thứ nhất, việc thu thập chứng cứ số, như giao dịch blockchain hay ví điện tử, đòi hỏi chuyên môn kỹ thuật cao và sự hợp tác quốc tế, do nhiều sàn giao dịch đặt trụ sở ở nước ngoài. Thứ hai, khoảng trống pháp lý trong việc công nhận tiền số làm phức tạp quá trình định giá tài sản và xác định hậu quả. Để giải quyết thực tiễn trên, cơ quan tố tụng cần phối hợp với các chuyên gia công nghệ, đồng thời đề xuất hoàn thiện khung pháp lý điều chỉnh tiền số, nhằm bảo đảm hiệu quả xử lý tội phạm và thích nghi với sự phát triển của thời đại số hóa.

**Phạm Minh Đô (Tòa án quân sự Quân khu 7)**